

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Nguyễn Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 184/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về con chung, tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 03, ngõ 3, đường N, phường G, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

Bị đơn: **Anh Lê Ngọc H1**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số nhà 03, ngõ 3, đường N, phường G, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thái Thị M; Địa chỉ: Số nhà 03, ngõ 03 đường N, phường G, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

2. Bà Lê Thị A; Địa chỉ: phường L, quận K, thành phố Cần Thơ – *Vắng mặt*

3. Bà Nguyễn Thị Minh B; Địa chỉ: Số nhà 04, ngõ 23 đường L, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

4. Bà Nguyễn Thị Vĩnh C; Địa chỉ: Phòng 702, nhà N2A, ngõ 7 đường G, phường N, quận X, Hà Nội – *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Ngọc H1 kết hôn ngày 29 tháng 12 năm 1997, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2012 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp. Năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng do anh Hà thường xuyên ghen tuông vô cớ, kiểm soát cuộc sống của chị và đánh đập chị. Năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Khánh L, sinh ngày 09/7/1998 và Lê Hữu Thái Y, sinh ngày 27/11/2003. Con Lê Nguyễn Khánh L đã trưởng thành. Chị Hằng có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con Lê Hữu Thái Y và không yêu cầu anh H1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà ở tầng 1 tại khối phố 5, phường G, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và 1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển kiểm soát 38A 21285, giấy đăng ký xe mang tên anh Lê Ngọc H1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ngày 17/8/2020, chị H1 có đơn rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ.

*Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Ngọc H1 trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, thời gian sống ly thân thống nhất như trình bày của chị H. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do vợ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, thiếu chia sẻ, gần gũi chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng xa cách. Anh thừa nhận do chị H xúc phạm anh nên anh có đánh chị H 02 lần. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con Lê Hữu Thái Y và anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Con Lê Nguyễn Khánh L đã trưởng thành, con ở với ai là quyền của con.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng gồm có thửa đất số 156, tờ bản đồ số 7, diện tích 115,2m² tại khối phố 5, phường G, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, 01 ngôi nhà 02 tầng gắn liền với đất, 1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển kiểm soát 38A 21285, giấy đăng ký xe mang tên anh Lê Ngọc H1.

Về nợ: Vợ chồng có nợ chị Lê Thị A số tiền 300.000.000 đồng để mua xe ô tô.

Quá trình giải quyết vụ án anh đề nghị giải quyết nhà, đất và xe ô tô chia đôi cho vợ chồng mỗi người được hưởng một nửa, nợ chia đôi mỗi người có trách nhiệm trả một nửa. Tại phiên tòa, anh H1 đồng ý việc chị H rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau.

*Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị A trình bày:

Chị là chị ruột của anh Lê Ngọc H1. Ngày 14/7/2018 chị có cho vợ chồng anh H1 và chị H vay số tiền 300.000.000 đồng để mua xe ô tô, không tính lãi, anh H1 viết và ký nhận vào giấy vay tiền, có ông Lê Minh C hàng xóm chứng kiến. Chị khởi kiện yêu cầu anh H1 và chị H trả số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 14/8/2020, chị A có đơn rút đơn khởi kiện yêu cầu anh H1 và chị H trả số nợ nói trên.

*Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị M trình bày:

Năm 1998 ông H2 bà M mua cho chị Nguyễn Thị Thu H thửa đất số 156, tờ bản đồ số 7 tại khối phố 5, phường G, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Tầng 2 ngôi nhà tọa lạc trên thửa đất nói trên là của vợ chồng bà xây dựng để vợ chồng bà ở chung với vợ chồng chị H. Nay ông H2 đã mất, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết quyền sở hữu, sử dụng của bà đối với tài sản trên. Tuy nhiên, ngày 18/8/2020 bà M có đơn rút yêu cầu giải quyết về phần tài sản này, đồng ý việc rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung của chị H và được các con là chị Nguyễn Thị Minh B, chị Nguyễn Thị Vĩnh C đồng ý cùng ký đơn.

*Tại Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Vĩnh C và chị Nguyễn Thị Minh B trình bày:

Ông H1 và bà M có 3 người con gồm: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Vĩnh C, Nguyễn Thị Minh B. Năm 2008 họp gia đình thống nhất ông H2 bà M xây dựng thêm tầng 2 để sống cùng gia đình anh H1, chị H. Kinh phí xây dựng tầng 2 và cầu thang riêng bên ngoài do ông H2 bà M lấy từ tiền đền bù dự án Hào Thành ở nhà cũ. Ông H2 đã chết nên các chị đề nghị Tòa án công nhận phần nhà ở tầng 2 là tài sản của bà M. Tuy nhiên, ngày 18/8/2020 chị B và chị C cùng ký vào đơn rút yêu cầu giải quyết phần tài sản này của bà Thái Thị M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự, người làm chứng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

+Về con chung: Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình giao con chung Lê Hữu Thái Hoàng, sinh ngày 27/11/2003 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Ngọc H1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ

Ngoài ra còn đề nghị về án phí

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về con chung, tài sản chung đối với bị đơn anh Lê Ngọc H1 (trú tại: phường G, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị A, bà Thái Thị M, chị Nguyễn Thị Minh B và chị Nguyễn Thị Vĩnh C đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Ngọc H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Các đương sự đều thừa nhận vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn và đã ly thân 02 năm. Theo chị H trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, anh H1 ghen tuông vô cớ, kiểm soát cuộc sống của chị và đánh đập chị, còn anh H1 trình bày nguyên nhân do vợ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh H1 thừa nhận đánh chị H 02 lần do chị H xúc phạm anh, nhưng anh H1 không đồng ý ly hôn. Theo kết quả xác minh tại địa phương: Quá trình chung sống anh H1 và chị H có mâu thuẫn, trầm trọng nhất khoảng 02 năm nay, vợ chồng ly thân, anh H1 ít về nhà, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức khó hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1 là có căn cứ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Khánh L, sinh ngày 09/7/1998 và Lê Hữu Thái Y, sinh ngày 27/11/2003. Con Lê Nguyễn Khánh L đã trưởng thành nên miễn xét. Hai bên đều có đủ điều kiện nuôi con. Con Lê Hữu Thái Y có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng chị H. Chị H và anh H1 đồng ý theo nguyện vọng của cháu Y. Vì vậy, giao con chung Lê Hữu Thái Y cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh H1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ: Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2019, chị H có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng nhưng đến ngày 17/8/2020 chị H có đơn xin rút yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, được bị đơn anh H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M, chị B, chị C đồng ý. Tại đơn khởi kiện độc lập ngày 10/6/2020 của chị Lê Thị A đề nghị Tòa án buộc anh H và chị H1 trả lại số tiền

300.000.000 đồng vay của chị A nhưng đến ngày 14/8/2020 chị A có đơn xin rút yêu cầu độc lập nói trên, được chị H và anh H1 đồng ý. Xét thấy, việc rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung của chị H và rút yêu cầu độc lập của chị A là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị H và yêu cầu độc lập về việc giải quyết nợ của chị A. Chị H và chị A không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Ngọc H1.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Hữu Thái Y, sinh ngày 27/11/2003 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Ngọc H1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H về việc chia tài sản chung vợ chồng và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A về việc buộc anh Lê Ngọc H1 và chị Nguyễn Thị Thu H trả số tiền nợ 300.000.000 đồng. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 17.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001342 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, trả lại cho chị H số tiền 16.700.000 đồng. Trả lại cho chị Lê Thị A số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001472 ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND phường G;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Duy Cừ

Nguyễn Văn Thanh

Lê Thanh Huyền